



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 45/2021
Từ 15/11 - 19/11/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

CHÍNH PHỦ ƯU TIÊN CAO NHẤT CHO XÂY DỰNG
VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, TĂNG CƯỜNG CÔNG KHAI,
MINH BẠCH

Phát biểu tại phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 11/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh cần dành ưu tiên cao nhất cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế để phục vụ 3 khâu đột phá chiến lược, trên cơ sở bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, quán triệt yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường công khai, minh bạch, khắc phục được các hạn chế, bất cập, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.



Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Ngày 18/11, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ chuyên đề pháp luật tháng 11/2021. Cùng chủ trì phiên họp có các Phó Thủ tướng Chính phủ: Phạm Bình Minh, Lê Minh Khái, Lê Văn Thành.

Tại phiên họp, Chính phủ đã thảo luận về các đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi) do Bộ Tài chính xây dựng, Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi) do Bộ Y tế xây dựng, Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, Luật Lưu trữ (sửa đổi) do Bộ Nội vụ xây dựng, Luật Phòng chống rửa tiền (sửa đổi) do Ngân hàng Nhà nước xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

Sau khi các thành viên Chính phủ thảo luận, Thủ tướng Chính phủ kết luận, Chính phủ đã thống nhất thông qua đề nghị xây dựng các dự án luật nói trên, giao các cơ quan chủ trì xây dựng tiếp thu các ý kiến thảo luận rất sôi nổi, tâm huyết, trách nhiệm, xác đáng tại phiên họp để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, phân tích rõ các căn cứ về chính trị, pháp lý và thực tiễn, trình các cấp có thẩm quyền, bảo đảm chất lượng, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đánh giá kỹ tác động của các đề xuất chính sách mới

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, Chính phủ xác định dành ưu tiên cao nhất cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, phục vụ ba khâu đột phá chiến lược. Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII và các nghị quyết của Chính phủ từ khi được kiện toàn cũng nhấn mạnh cần ưu tiên cho công tác này. Trong nhiều tháng qua, Chính phủ đều có các phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật. Thủ tướng đánh giá cao các cơ quan đã căn cứ chương trình làm việc, tích cực chuẩn bị các hồ sơ, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để trình các cấp có thẩm quyền.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh yêu cầu chung với việc xây dựng và hoàn thiện thể chế là bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận của Trung ương các khóa; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, đi đôi với phân bổ nguồn lực và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ. Các cơ quan quản lý nhà nước tập trung xây dựng chiến lược, quy hoạch, pháp luật, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực bảo đảm công khai, minh bạch và tăng cường kiểm tra, giám sát. Trong quá trình thiết kế chính sách, pháp luật, cần giải quyết hài hòa, hợp lý mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội, đẩy đẩy hợp tác công tư trên nền tảng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế...

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, ưu tiên bố trí nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác này, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các Bộ trưởng khác để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc bỏ sót vấn đề, để khoảng trống pháp lý giữa các luật. Song song với việc nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, cần nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện pháp luật, đặc biệt là công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo quan điểm người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể của mọi chính sách, con người vừa là trung tâm, vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu bám sát, tiếp thu các ý kiến tại kỳ họp Quốc hội vừa qua, chú trọng tổng kết thực hiện các quy định trước đây, đánh giá kỹ tác động của các đề xuất chính sách mới, chú trọng việc lấy ý kiến các đối tượng tác động và các chuyên gia, nhà khoa học để cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ, chính sách sát thực tiễn, phù hợp với tình hình đất nước, khắc phục, hạn chế tối đa các bất cập, yếu kém, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc do quy định chưa phù hợp thực tiễn... theo tinh thần có kế thừa, đổi mới và phát triển.

Quán triệt những định hướng lớn trong xây dựng các luật

Về đề nghị xây dựng Luật Giá (sửa đổi), Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm, bảo đảm tính linh hoạt, cơ động theo cơ chế thị trường, xử lý hài hòa, hợp lý quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội, phù hợp tình hình thực tiễn. Cơ quan quản lý nhà nước tập trung xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình, điều kiện, các Bộ, ngành, địa phương bám sát thị trường để chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Việc xây dựng luật sửa đổi phải khắc phục được các bất cập, hạn chế, các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm... liên quan tới giá. Chú ý công cụ bình ổn giá, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần không hy sinh tiến bộ và công bằng xã hội, bỏ qua an sinh xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

Về đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi), Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, đây là nội dung được nhiều đại biểu Quốc hội rất quan tâm tại kỳ họp Quốc hội vừa qua. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phân tích kỹ thêm tác động của các chính sách trên cơ sở bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân gắn với bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển tốt hơn, lành mạnh hơn. Cùng với đó, cần đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý, chuyển đổi số, tăng cường kiểm tra, giám sát, phân cấp, phân quyền, bảo đảm công khai, minh bạch.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu quán triệt, bám sát các quan điểm mới về an sinh xã hội trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 20-NQ/TW của Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, nhất là bảo đảm nguyên tắc đóng - hưởng, nguyên tắc chia sẻ rủi ro, tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; huy động hệ thống y tế tư nhân tham gia khám chữa bệnh cho người dân...

Về đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 93/2015/QH13 năm 2015 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần đối với người lao động; quán triệt, bám sát các quan điểm mới trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; phân tích kỹ tác động chính sách, nhất là với đối tượng điều chỉnh để cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chính sách bảo đảm phù hợp tình hình thực tiễn.

Về đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, đây là lĩnh vực có những thay đổi rất nhanh trong thời gian qua nên việc sửa đổi, bổ sung Luật là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, phạm vi giao dịch điện tử rất rộng, do đó, phạm vi điều chỉnh của luật cần cân nhắc phù hợp, hiệu quả trên cơ sở rà soát các luật khác có liên quan. Thủ tướng Chính phủ lưu ý một số vấn đề như tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quy định hiện hành, xử lý các khoảng trống pháp lý; các vấn đề liên quan an ninh mạng, hoàn chỉnh và chia sẻ cơ sở dữ liệu, quản lý các nền tảng số, trong đó có các nền tảng số của nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam...

Thủ tướng Chính phủ lưu ý một số vấn đề mới khi đề nghị xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi) trong bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền

kinh tế số, xã hội số. Cụ thể, đó là các chính sách về lưu trữ tư nhân, lưu trữ điện tử; nâng cao năng lực chuyên đổi số, bảo đảm an ninh mạng; trung mua, trung dụng tài liệu lưu trữ; quyền khai thác dữ liệu... Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cần nghiên cứu, đánh giá kỹ tác động, có các công cụ phù hợp, hiệu quả để phát huy mặt tích cực, hạn chế tối đa tác động tiêu cực có thể phát sinh.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh việc đề nghị xây dựng Luật Phòng chống rửa tiền (sửa đổi) là vấn đề rất quan trọng và cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiếp tục lấy ý kiến các đối tượng liên quan và tham khảo kinh nghiệm, pháp luật của các nước; hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống rửa tiền, góp phần phòng chống tội phạm, tham nhũng, tiêu cực, thất thoát tài sản...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2022

Trong năm 2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy phát triển Chính phủ điện tử, triển khai Chính phủ số tại Bộ theo định hướng của Chính phủ và các Bộ ngành chức năng. Nhằm tiếp tục triển khai nhiệm vụ trên, ngày 11/11/2021, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định số 2870/QĐ-BKHHCN ban hành Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tại Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2022.

Kế hoạch đặt mục tiêu: (1) Hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm thống nhất hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm công tác an toàn thông tin của ngành khoa học và công nghệ; (2) Ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đảm bảo 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đảm bảo 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 50%. Tỷ lệ dịch vụ số đạt tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đạt 30%. Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan Nhà nước đạt 90%; (3) Ban hành kế hoạch và triển khai công bố dữ liệu mở của Bộ; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình yêu cầu tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước; (4) Phát triển Chính phủ số phục vụ vận hành tối ưu hoạt động của bộ máy; (5) Bảo đảm an toàn thông tin.

Để thực hiện mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ cụ thể: Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý; Phát triển hạ tầng số; Phát triển các nền tảng, hệ thống; Phát triển dữ liệu; Phát triển các ứng dụng, dịch vụ; Bảo đảm an toàn thông tin; Phát triển nguồn nhân lực. Các giải

pháp trọng tâm được xác định bao gồm: Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp; Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp; Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ; Thu hút nguồn lực Công nghệ thông tin; Tăng cường hợp tác quốc tế.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch...

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA HƠN 70% ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Đến nay, một trong những thành quả của công tác cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cắt giảm, đơn giản hóa trên 70% điều kiện kinh doanh.

Điều này góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo yêu cầu của Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ.

Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra chuyên ngành (trong đó có nhiệm vụ cắt giảm điều kiện kinh doanh) được xác định là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ năm 2014 (khi bắt đầu triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia) đến nay là Nghị quyết số 02/NQ-CP.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động ban hành ngay kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngay từ đầu năm (ví dụ: Quyết định số 206/QĐ-BNN-PC ngày 14/01/2021, Quyết định số 88/QĐ-BNN-PC ngày 08/01/2020, Quyết định số 326/QĐ-BNN-PC ngày 24/1/2019...), trong đó xác định những nhiệm vụ trọng tâm và phân công cụ thể trách nhiệm tổ chức triển khai của các đơn vị thuộc Bộ có liên quan.

Trên cơ sở đó, các đơn vị xây dựng kế hoạch, nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Đến nay, số lượng điều kiện kinh doanh được cắt giảm, đơn giản hóa là 251/345 điều kiện (chiếm tỷ lệ 72%), trong đó bãi bỏ 115 điều kiện, sửa đổi 136 điều kiện. Theo đó, tổng số chi phí tiết kiệm ước tính tiết kiệm được từ việc cắt giảm điều kiện kinh doanh là: 46,42 tỷ đồng/năm, tương đương 339.720 ngày công/năm. Tổng số điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện hành là 272 điều kiện.

Số lượng văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành để cắt giảm điều kiện kinh doanh giai đoạn 2016-2020 là 11 văn bản (trong đó có 04 Luật và 07 Nghị định).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện rà soát, so sánh và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ điều kiện kinh doanh trước và sau khi cắt giảm, đơn giản hóa theo yêu cầu của Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ tại đường link: <https://www.mard.gov.vn/VanBan/Pages/679-bnn-pc.aspx>.

Đồng thời thống kê, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh theo quy định tại Luật Đầu tư và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư cập nhật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, trong 5 năm qua, Bộ cũng nỗ lực rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 288/508 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ (trong đó có những thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính đã góp phần khơi thông nguồn lực, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân doanh nghiệp khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Riêng năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung thực hiện nhiệm vụ: Rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi; xây dựng, soạn thảo các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được bổ sung theo Luật Đầu tư năm 2020.

Đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện rà soát các điều kiện kinh doanh hiện hành trong lĩnh vực nông nghiệp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung 01 luật (Luật An toàn thực phẩm), 04 Nghị định của Chính phủ (trong đó có 01 Nghị định do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì), 01 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (Công văn số 2874/BNN-PC ngày 18/5/2021).

Ngoài ra, Bộ chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, ban hành các văn bản quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính đảm bảo tuân thủ các yêu cầu, tiêu chí đặt ra trong các Nghị quyết của Chính phủ như Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021, ngăn ngừa việc phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, gây khó khăn hoặc làm tăng chi phí không cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Cải cách hành chính là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, là một trong những giải pháp đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021, Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020.

Do đó, việc tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh, quy định thủ tục hành chính vẫn được Bộ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm phải triển khai trong thời gian tới theo chỉ đạo của Chính phủ.

Nguồn: nongnghiep.vn

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM: GẮN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

Mục tiêu trong giai đoạn 2021 - 2026 là phát triển Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan thông tấn quốc gia, thành cơ quan thông tấn đa phương tiện chủ lực của hệ thống truyền thông quốc gia, chuyên nghiệp, hiện đại với vai trò là nguồn thông tin chính thống của cả hệ thống báo chí, truyền thông trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Thông tấn xã Việt Nam có năng lực, trung thành, trách nhiệm, sáng tạo. Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trên các lĩnh vực công tác của Thông tấn xã Việt Nam.

Là tổ hợp thông tin đa phương tiện, Thông tấn xã Việt Nam hiện có 5 ban biên tập, các tòa soạn báo, tạp chí, kênh truyền hình thông tấn, nhà xuất bản thông tấn, 63 Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam ở trong nước và 30 Cơ quan Thường trú Thông tấn xã Việt Nam ở ngoài nước với trên 1.100 phóng viên, biên tập viên. Thông tấn xã Việt Nam đang mở rộng các hình thức thông tin như thông tin qua điện thoại di động, báo điện tử, kênh truyền hình, thông tin đồ họa, âm thanh, đa phương tiện. Với nhiệm vụ là cơ quan thông tấn quốc gia, Ban lãnh đạo Thông tấn xã Việt Nam đã chỉ đạo các đơn vị đã bám sát các nội dung của chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, xây dựng kế hoạch thông tin tuyên truyền cụ thể, chi tiết về chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền về cải cách hành chính

Thông tấn xã Việt Nam hoàn thành tốt vai trò, chức năng của cơ quan báo chí Trung ương trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương cải cách hành chính, giới thiệu những điển hình về cải cách hành chính ở các Bộ, ngành, địa phương. Các đơn vị làm công tác thông tin của Thông tấn xã Việt Nam như Ban biên tập tin Trong nước, báo Tin tức, báo điện tử VietnamPlus đều xây dựng những tuyến tin, bài phản ánh về cải cách thủ tục hành chính trong toàn quốc như mục tiêu, nội dung của chương trình tổng thể cải cách hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, những đổi mới, sáng kiến về cải cách hành chính và thông tin, góp ý với một số bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, góp phần tuyên truyền sâu rộng tổ chức tốt chương trình cải cách hành chính của Chính phủ. Thông tin của Thông tấn xã Việt Nam còn đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, nâng cao hiệu quả, xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tuyển thông tin về cải cách hành chính được cập nhật thường xuyên liên tục, đặc biệt là tin, bài, ảnh, phóng sự truyền hình của các Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam ở trong nước đã phản ánh rất kịp thời tình hình thực hiện cải cách hành chính tại các địa phương, đặc biệt là ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tính bình quân, mỗi năm, Ban biên tập tin Trong nước Thông tấn xã Việt Nam, các báo, Bản tin của Thông tấn xã Việt Nam phát trên mạng thông tin hơn 1.000 tin, bài, ảnh, phóng sự truyền hình liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Các đơn vị thông tin tăng cường tuyển thông tin về công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện cải cách hành chính của các Bộ, Ngành, các địa phương. Trung tâm Truyền hình Thông tấn hàng tuần đều phát trên kênh truyền hình thông tấn phóng sự, tin về cải cách hành chính tại các địa phương, phản ánh đậm nét việc thực hiện cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, triển khai xác định bộ chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, dịch vụ y tế công, dịch vụ giáo dục công.

Các đơn vị thông tin của Thông tấn xã Việt Nam cũng đẩy mạnh thông tin về cải cách chế độ công vụ, công chức, việc Chính phủ và các Bộ, Ban, Ngành tích cực rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quản lý, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và chức danh lãnh đạo, triển khai xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đổi mới quy trình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác thi tuyển công chức, viên chức...

Thông tin về cải cách hành chính của Thông tấn xã Việt Nam còn tập trung về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng ISO vào các hoạt động cơ quan hành chính nhà nước, công tác kiểm tra cải cách hành chính của các Bộ, Ngành địa phương. Với mạng lưới phóng viên tại khắp các tỉnh, thành phố, công tác tuyên truyền về cải cách hành chính tại các địa phương được thực hiện rất tốt. Ban lãnh đạo Thông tấn xã Việt Nam cũng chỉ đạo mạng lưới phóng viên thường trú tại các địa phương thông tin cả những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của các địa phương để khắc phục sửa chữa.

Với chức năng là cơ quan thông tin nguồn, tin, bài, ảnh, phóng sự truyền hình về cải cách hành chính của Thông tấn xã Việt Nam được các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khai thác, sử dụng rộng rãi, tin bài phóng sự truyền hình có tác dụng lan tỏa rất lớn. Ngoài ra, Thông tấn xã Việt Nam còn có các đơn vị thông tin đối ngoại cũng đẩy mạnh việc tuyên truyền về cải cách hành chính bằng các nhiều ngữ khác nhau, để bạn đọc ngoài nước và kiều bào ta ở nước ngoài nắm bắt được những thông tin về cải cách hành chính của Việt Nam.

Gắn cải cách hành chính với sự phát triển của Thông tấn xã Việt Nam

Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác cải cách hành chính, Ban lãnh đạo Thông tấn xã Việt Nam đã phổ biến sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong ngành về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính và đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn

2021 - 2030. Thông tấn xã Việt Nam đã tổ chức triển khai, phổ biến quán triệt chủ trương cải cách hành chính đến các đơn vị và cán bộ chủ chốt của ngành Thông tấn xã Việt Nam.

Thông tấn xã Việt Nam đã thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, phân công một đồng chí lãnh đạo làm Trưởng ban, thành viên là cán bộ chủ chốt các đơn vị trong ngành như Chánh văn phòng Thông tấn xã Việt Nam, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Trưởng ban biên tập tin Trong nước... Thông tấn xã Việt Nam còn có 01 Phó Tổng Giám đốc là thành viên Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Mục tiêu cải cách hành chính của Thông tấn xã Việt Nam là phát triển các sản phẩm thông tin đa phương tiện, đa nền tảng phục vụ nhu cầu của các cơ quan báo chí, truyền thông. Ứng dụng tối đa Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Thông tấn xã Việt Nam nhằm tăng cường khả năng kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin đồng bộ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; số lượng người làm việc gắn với vị trí việc làm. Hình thành cơ cấu lao động hợp lý giữa các khối công tác và các chức danh viên chức. Từ năm 2023, 100% các đơn vị có cơ cấu công chức, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động có phẩm chất chính trị vững vàng, tinh thông về nghiệp vụ, năng động, sáng tạo. Xây dựng đội ngũ người làm báo Thông tấn xã Việt Nam thành thạo các phương thức làm báo hiện đại, có tính chuyên nghiệp cao; đội ngũ nhân sự quản lý đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Thông tấn xã Việt Nam cũng hướng dẫn các đơn vị thực hiện cải cách hành chính phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện của đơn vị mình sao cho việc cải cách hành chính một cách sát nhất, hiệu quả nhất trong các hoạt động của đơn vị. Các đơn vị làm công tác thông tin cũng được hướng dẫn thực hiện tuyên truyền về thực hiện cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm của ngành Thông tấn xã Việt Nam.

Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2026 của Thông tấn xã Việt Nam, Ban lãnh đạo Thông tấn xã Việt Nam đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính, tập trung vào các đơn vị: Văn phòng Thông tấn xã Việt Nam, Ban Tổ chức - Cán bộ, Ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn, Trung tâm Tin học, Trung tâm Kỹ thuật Thông tấn. Từng đơn vị với chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng chương trình cải cách hành chính phù hợp, có tính hiệu quả, thiết thực trong công việc.

Thông tấn xã Việt Nam đã ban hành được hệ thống các văn bản quản lý quy định, quy chế thống nhất thực hiện trong ngành, đảm bảo nền nếp trong cơ quan, tạo điều kiện tốt để các đơn vị nâng cao hiệu quả công tác, đảm bảo công khai, công bằng trong giải quyết công việc. Xây dựng được các quy trình giải quyết công việc, quản lý tài chính, quản lý hồ sơ cán bộ, công tác điều hành quản lý được nền nếp.

Thông tấn xã Việt Nam đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin với việc xây dựng hệ thống tác nghiệp sản xuất thông tin trực tuyến giữa các ban biên tập, tòa soạn

báo và các cơ quan thường trú ở trong nước và ngoài nước, trong công tác quản lý với hệ điều hành tác nghiệp, tạo điều kiện không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Công tác quản lý của ngành đã được thực hiện tốt, đi vào nền nếp, ứng dụng được tin học hóa vào công tác quản lý, giảm bớt lượng giấy tờ và tiết kiệm được thời gian làm việc. Nhận thức của công chức, viên chức, người lao động về cải cách hành chính đã có tiến bộ rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính đã góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước giao cho Thông tấn xã Việt Nam, góp phần xây dựng Thông tấn xã Việt Nam trở thành hãng thông tấn quốc gia có vị thế và vai trò quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Nguồn: baotintuc.vn

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ CỦA VIỆT NAM CAO HƠN MỨC TRUNG BÌNH THẾ GIỚI

Xếp hạng Chính phủ điện tử của Việt Nam theo đánh giá của Liên hợp quốc năm 2020 tăng 2 bậc, xếp hạng 86/193 quốc gia, 23/47 châu Á và 6/11 Đông Nam Á. Chỉ số tổng hợp của Việt Nam cao hơn chỉ số trung bình thế giới và khu vực, thuộc nhóm quốc gia ở mức cao.

Thông tin trên được chia sẻ tại Hội thảo với chủ đề “Xây dựng chính phủ điện tử tiến tới chính phủ số trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” do Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức chiều 11/11/2021 tại Hà Nội.

Đây là hội thảo chuyên đề trong khuôn khổ “Diễn đàn cấp cao thường niên về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” với phiên toàn thể dự kiến tổ chức ngày 06/12.

Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Thành Phong cho biết, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định phát triển chính phủ số là nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá nhằm cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp, toàn bộ các cơ quan nhà nước chuyển sang hoạt động trên môi trường số.

Sử dụng dữ liệu, công nghệ số để thiết kế lại vận hành của Chính phủ nhằm giúp cho việc ra quyết định và quản lý xã hội hiệu quả hơn, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển nhanh và bền vững. Việt Nam hướng tới có chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu vào năm 2025, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu vào năm 2030 theo xếp hạng của Liên hợp quốc.

Theo ông Nguyễn Thành Phong, chính phủ số bản chất là Chính phủ điện tử, Chính phủ số bao hàm Chính phủ điện tử. Chính phủ điện tử đặc trưng bởi “4 không”: Hợp không gặp mặt, xử lý văn bản không giấy, giải quyết thủ tục hành chính không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt. Chính phủ số thêm “4 có”: có hành động an toàn trên môi trường số, có

khả năng cung cấp dịch vụ mới nhanh chóng, có khả năng sử dụng nguồn lực tối ưu và có khả năng kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cả nước năm 2020 đạt 30,86%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025. Tính đến ngày 20/8/2021, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cả nước đạt 65,11%, trong đó tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 27,71%, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 43,40%. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cơ quan Đảng và Nhà nước đã kết nối đến 100% các bộ, ngành, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và 100% quận, huyện, thị xã. Một số cơ sở dữ liệu tạo nền tảng đã được xây dựng, như cơ sở dữ liệu về bảo hiểm, cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu giáo dục, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã vận hành chính thức từ ngày 01/7/2021.

Trục liên thông văn bản quốc gia đã được xây dựng nhằm kết nối các hệ thống quản lý văn bản điều hành của các Bộ, ngành, địa phương. Hiện nay, đã kết nối 94/94 Bộ, ngành, địa phương và kết nối với hệ thống quản lý văn bản điều hành của Văn phòng Trung ương Đảng, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, các tổ chức chính trị - xã hội. Từ khi khai trương (12/3/2019) đến ngày 19/8/2021 có tổng số hơn 6,3 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Tỷ lệ trao đổi văn bản dưới dạng điện tử trên toàn quốc năm 2020 đạt 90,8% (vượt mục tiêu Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 17/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ).

Tại Hội thảo, các chuyên gia trong nước và ngoài nước đã trao đổi về kinh nghiệm xây dựng Chính phủ số, bảo đảm an toàn thông tin, triển khai cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hỗ trợ Chính phủ điện tử, cơ sở dữ liệu, trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng Chính phủ điện tử...

Đề xuất một số giải pháp nâng cao chỉ số chuyển đổi số, ông Vũ Kiên Văn, Phó Tổng thư ký Hội Truyền thông số Việt Nam cho rằng, sự quan tâm của lãnh đạo về chuyển đổi số phải được cụ thể hóa bằng nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động. Cần xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử/đô thị thông minh, kế hoạch phát triển hằng năm và 5 năm, cùng với quy định thống nhất về chia sẻ thông tin, dữ liệu.

Đồng thời, cần tăng cường đào tạo kỹ năng số thông qua các chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước và lãnh đạo các doanh nghiệp tại các địa phương. Ông Vũ Kiên Văn góp ý, cần chú trọng nâng cao khả năng tiếp cận của người dân, khuyến khích người dân lựa chọn các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu: “Cần cải thiện dịch vụ trực tuyến. Chính quyền cần nâng cao mức độ chia sẻ thông tin với người dân, đặc biệt tại các lĩnh vực pháp luật, việc làm, bảo trợ xã hội, môi trường, y tế, giáo dục...”.

Nhấn mạnh về vấn đề an ninh mạng, đại diện Công ty Bảo mật mạng Fortinet lưu ý, cũng như một số quốc gia, Việt Nam gặp phải một số thách thức với vấn đề an toàn thông tin, như số người sử dụng trong dân cư lớn, trình độ đa dạng, thiết bị đầu cuối khác nhau, khó khăn

trong kiểm soát bảo mật; các phần mềm ứng dụng đa dạng, do các tổ chức có trình độ khác nhau phát triển, khả năng duy trì nâng cấp hạn chế...

Đại diện Fortinet giới thiệu một số giải pháp bảo mật bảo vệ chính phủ số, như bảo vệ công chức, viên chức trước việc lộ tài khoản, ngăn chặn tấn công mạng ở vùng biên, phát hiện mã độc nằm vùng, khoanh vùng hạn chế thiệt hại khi bị tấn công mạng....

Nguồn: baochinhpvu.vn

TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Nhiều nhóm giải pháp đã được đưa ra như tăng cường nhận thức, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và tăng cường đầu tư của Nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội để cùng tham gia phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong những năm qua, nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam đã có chuyển biến mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu to lớn. Nông nghiệp liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá và phát triển khá toàn diện; xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào mạnh mẽ lan rộng cả nước là những kết quả nổi bật sau hơn 13 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Thanh Nam cho hay, trước bối cảnh và yêu cầu mới với nhiều biến đổi như: Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn tiến rất nhanh; quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ; thiên tai, dịch bệnh xuyên biên giới ngày càng phức tạp, đặc biệt là biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh và tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên toàn cầu... đòi hỏi cần tổng kết sâu sắc việc thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW.

Bên cạnh đó, các cơ quan liên quan cần đề xuất ban hành Nghị quyết mới về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để định hướng sự phát triển của lĩnh vực này trong thời gian tới, hướng tới mục tiêu và xoay quanh 3 trụ cột: “Nông nghiệp sinh thái”, “Nông thôn hiện đại”, “Nông dân thông minh” theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

“Việc triển khai Nghị quyết quan trọng này giúp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại nông nghiệp gắn chặt hơn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa”, Thứ trưởng Trần Thanh Nam cho hay.

Còn theo Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Nguyễn Duy Hưng, dự thảo mới sẽ đánh giá chính xác và sát với tình hình thực tế hiện trạng lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay.

Ông Hưng cũng cho biết, tới đây sẽ đề xuất những nhóm giải pháp thực hiện, trong đó tính đến việc phát huy những kết quả và thành tựu đã đạt được cũng như xác định những yếu

tổ mới trong bối cảnh kinh tế thế giới với Việt Nam. Đặc biệt, sẽ xem xét tới biến đổi khí hậu; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, các tiêu chuẩn của các nước... để có những đột phá và những bước tiến mạnh mẽ hơn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời gian tới.

“Nhiều nhóm giải pháp đã được đưa ra như tăng cường nhận thức, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và tăng cường đầu tư của Nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội để cùng tham gia phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chúng ta đang nói tới nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh thì phải tính toán để phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và coi đó là đột phá để thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp Việt Nam”, ông Nguyễn Duy Hưng nhấn mạnh.

Nguồn: vietq.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở với nhiều điểm mới được bổ sung nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập phát sinh trong thực tiễn thi hành.**

Bộ Nội vụ cho biết, qua thực tiễn triển khai trong thời gian qua và yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới cho thấy các quy định về dân chủ ở cơ sở đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật.

Mục tiêu xây dựng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm hoàn thiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm bảo đảm quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân; tiếp tục khẳng định bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, Nhân dân là người chủ của đất nước.

Xây dựng cơ sở pháp lý và cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đã được Hiến pháp năm 2013 quy định. Đồng thời, giải quyết những hạn chế, bất cập phát sinh trong thực tiễn thi hành Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Nghị định số 04/2015/NĐ-CP về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Dự thảo Luật quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở. Theo đó, ngoài các quyền được cung cấp thông tin, tham gia ý kiến, quyết định các nội dung theo quy định của Pháp lệnh, dự thảo Luật bổ sung quyền được ủy quyền thực hiện dân chủ ở cơ sở và quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Đồng thời, dự thảo Luật cũng quy định các nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nghĩa vụ tham gia ý kiến vào các nội dung, vấn đề được lấy ý kiến,

chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến tham gia của mình hoặc của người đại diện theo ủy quyền; chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền; kịp thời phản ánh, kiến nghị, báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định về quyền của nhân dân được đề xuất nội dung đưa ra để nhân dân bàn và quyết định.

Hiện nay, Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 quy định về các nội dung Nhân dân bàn và quyết định nhưng không quy định về thẩm quyền đề xuất nội dung để nhân dân bàn và quyết định. Thực tế triển khai Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 cho thấy Nhân dân chủ yếu bàn và quyết định các nội dung do Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đề xuất mà chưa có quy định về việc người dân được tự mình đề xuất sáng kiến, đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định. Dự thảo Luật đã bổ sung quy định công dân sinh sống tại cộng đồng dân cư có sáng kiến đề xuất các công việc trong nội bộ cụm dân cư, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội và có 1/3 chữ ký đồng thuận của cử tri tại cộng đồng dân cư thì gửi trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để đưa ra cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định. Quy định này nhằm tăng cường việc thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân, theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Để Nhân dân thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của mình, dự thảo Luật đã quy định theo hướng bổ sung các nội dung mà chính quyền cấp xã phải công khai rộng rãi để người dân được biết, tăng trách nhiệm giải trình và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã phù hợp với quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

Để phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền địa phương điện tử và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được tiếp cận nhanh chóng, đầy đủ thông tin có liên quan đến quyền, lợi ích của mình, dự thảo Luật bổ sung thêm hình thức đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng tải trên cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, đối với công khai thông tin tại xã, phường, thị trấn, dự thảo Luật bổ sung hình thức công khai thông tin thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với nhân dân cho phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các các nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của các đối tượng gặp khó khăn trong việc tiếp cận như người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dự thảo Luật quy định một số hình thức công khai thông tin đặc thù phù hợp với các đối tượng này nhằm bảo đảm quyền bình đẳng của công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông.**

Theo dự thảo, vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông có 4 nhóm, bao gồm: a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông; c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Thông tin và Truyền thông của đơn vị sự nghiệp công lập); d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện theo Phụ lục I Thông tư này.

Danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện theo Phụ lục II Thông tư này.

Tỷ lệ viên chức giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông phải đảm bảo tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc (không bao gồm lãnh đạo, quản lý) của đơn vị sự nghiệp công lập.

Dự thảo nêu rõ, khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Khung số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Định mức số lượng người làm việc tối thiểu trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông là 15 người.

Định mức số lượng người làm việc tối thiểu trong các phòng, ban và các tổ chức cấu thành không phải là các đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc ngành Thông tin và Truyền thông là 7 người.

*** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, trong thời gian qua có một số vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT như: Một số biên bản thẩm định, mẫu báo cáo, cách cấp mã số cho cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản xuất khẩu cần phải thay đổi cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý.

Do vậy, việc xây dựng và ban hành “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” là cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện an toàn thực phẩm và bảo đảm tính hợp pháp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng cho biết, mục đích của dự thảo nhằm quy định thành phần hồ sơ, thời gian xử lý hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm quy định tại Luật An toàn thực phẩm cũng như giải quyết được các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Dự thảo Thông tư gồm 2 Điều và 7 Phụ lục, trong đó Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT; Điều 2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT.

Đối với Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm; sửa đổi trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm; sửa đổi bổ sung quy định về cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

Đối với Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT, dự thảo sửa đổi bổ sung Điều 10 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT như sau “Điều 10: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm”.

Bên cạnh đó, bãi bỏ Khoản 6 Điều 1, Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/9/2013 quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết, căn cứ Điều 30 Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ và thủ tục thành lập, chấm dứt, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.

Hiện nay, việc quản lý, giám sát an toàn vi mô đối với các ngân hàng thương mại thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-NHNN ngày 4/7/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 7/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra, giám

sát ngành ngân hàng, tuy nhiên một số quy định liên quan tại Thông tư số 21/2013/TT-NHNN chưa được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ giữa Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng cho biết, qua rà soát và thực tế hoạt động của ngân hàng thương mại đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư số 21/2013/TT-NHNN như chưa có quy định về thay đổi địa chỉ mà không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; một số điều khoản tại Thông tư số 21/2013/TT-NHNN chưa phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh do thay đổi cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Ngoài ra, Thông tư số 21/2013/TT-NHNN chưa có quy định hỗ trợ mở chi nhánh, phòng giao dịch đối với một số trường hợp cụ thể như ngân hàng thương mại tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt và theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt.

Từ cơ sở pháp lý, thực tiễn nêu trên cần thiết sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2013/TT-NHNN cho phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản pháp luật liên quan, yêu cầu thực tiễn về quản lý Nhà nước và hoạt động của các ngân hàng thương mại.

Dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên định hướng sửa đổi, bổ sung các quy định về thay đổi tên chi nhánh để phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng; bổ sung quy định hỗ trợ mở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch đối với ngân hàng thương mại tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt nhằm khuyến khích ngân hàng thương mại tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt.

Đồng thời, bổ sung quy định đối với trường hợp mở chi nhánh, phòng giao dịch theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt để triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt; bổ sung quy định về thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.

Bên cạnh đó, sửa đổi một số quy định để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh. Ngoài ra, dự thảo Thông tư chỉnh sửa một số từ ngữ cho phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành.

*** Bộ Công an đang dự thảo Thông tư quy định về giám định viên lĩnh vực kỹ thuật hình sự; tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh giám định viên, người giúp việc cho giám định viên lĩnh vực kỹ thuật hình sự, pháp y trong Công an nhân dân; công bố tổ chức, người giám định theo vụ việc trong Công an nhân dân.**

Dự thảo quy định, giám định viên kỹ thuật hình sự bao gồm: 1. Giám định viên dấu vết đường vân; 2. Giám định viên dấu vết vết cơ học; 3. Giám định viên súng, đạn; 4. Giám định viên tài liệu; 5. Giám định viên cháy, nổ; 6. Giám định viên kỹ thuật; 7. Giám định viên âm thanh; 8. Giám định viên sinh học; 9. Giám định viên hóa học; 10. Giám định viên kỹ thuật số và điện tử.

Tiêu chuẩn giám định viên kỹ thuật hình sự theo Khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp được quy định cụ thể như sau: Là sĩ quan nghiệp vụ Công an, sĩ quan Quân đội nhân dân tại ngũ, công chức thuộc Viện kiểm sát Tối cao; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ

đại học trở lên được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo từ đủ 3 năm trở lên (không tính thời gian tham gia học các loại hình đào tạo trong giờ hành chính) sau khi tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành đề nghị bổ nhiệm giám định viên.

Thẻ giám định viên tư pháp kỹ thuật hình sự là loại giấy công vụ do Bộ Công an ban hành được in theo mẫu do Bộ Tư pháp quy định để cấp cho giám định viên tư pháp kỹ thuật hình sự trong toàn quốc.

Ngoài ra, dự thảo cũng quy định, người giúp việc giám định viên lĩnh vực kỹ thuật hình sự và pháp y trong Công an nhân dân bao gồm trợ lý, kỹ thuật viên, y công (sau đây gọi quy định chung là chức danh trợ lý giám định).

Người được bổ nhiệm chức danh trợ lý giám định phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Nắm rõ các quy định của Luật Giám định tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động giám định. b) Tốt nghiệp đại học trở lên được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập theo chuyên ngành, lĩnh vực được đề nghị bổ nhiệm trợ lý giám định. c) Có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ chung về kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân do Viện trưởng Viện Khoa học hình sự cấp.

*** Bộ Công Thương đang đề nghị xây dựng Luật Phát triển công nghiệp, tập trung vào việc thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên cơ sở tạo cơ chế, môi trường hấp dẫn để đẩy mạnh thu hút đầu tư.**

Bộ Công Thương cho biết, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật Phát triển công nghiệp (điều chỉnh các hoạt động phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trọng điểm theo định hướng tại Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị) sẽ tập trung vào việc thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên cơ sở tạo cơ chế, môi trường hấp dẫn để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào công nghiệp, nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp, phát triển liên kết công nghiệp và kinh tế vùng - địa phương, đồng thời xây dựng mô hình và cơ chế quản lý công nghiệp phù hợp trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Các nội dung của Luật bám sát chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển công nghiệp, đặc biệt là Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của Quốc hội là cơ sở để Chính phủ triển khai các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp theo từng thời kỳ.

Theo dự thảo, phạm vi của Luật Phát triển công nghiệp là chỉ điều chỉnh các hoạt động phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên, gồm: a) Công nghiệp hỗ trợ; b) Công nghiệp điện tử (trừ các thiết bị thu phát sóng và công nghệ phần mềm); c) Công nghiệp cơ khí; d) Công nghiệp chế tạo phục vụ ngành năng lượng; đ) Các ngành công nghiệp khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Cụ thể, Luật sẽ quy định về các chính sách, hoạt động phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nền tảng, trọng điểm tại Việt Nam.

Doanh nghiệp công nghiệp muốn phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong sản phẩm của mình, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm cũng như giá trị gia tăng của các sản phẩm ngành công nghiệp chính, cần có chính sách hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất.

Việc vay vốn từ các tổ chức tài chính, đặc biệt là các ngân hàng thương mại, là không dễ dàng đối với các doanh nghiệp công nghiệp - đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cần có chính sách hỗ trợ tín dụng đủ mạnh từ phía Nhà nước để các doanh nghiệp công nghiệp tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất...

Do vậy, dự thảo đề xuất các chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp như sau: Phát triển thị trường cho các sản phẩm công nghiệp; hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực công nghiệp; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; hỗ trợ xúc tiến, kết nối thị trường.

Bên cạnh đó, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiềm năng và doanh nghiệp dẫn đầu, thông qua chính sách khuyến khích mua bán và sáp nhập, phát triển thị trường quốc tế. Thành lập các Quỹ tái cấu trúc doanh nghiệp công nghiệp để cải thiện hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp công nghiệp kém hiệu quả.

Ngoài ra, dự thảo Luật cũng đề xuất chính sách “Quy định về quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài trong phát triển công nghiệp”.

Dự thảo Luật quy định rõ phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư nước ngoài cũng như các chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao, trong đó kèm theo các điều kiện về công nghệ, nghiên cứu và phát triển; nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi sản xuất của dự án; nâng cao giá trị sản xuất trong nước và đẩy mạnh chuyển giao các công nghệ cao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ... sẽ có tác động bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển công nghiệp, từ đó kéo theo việc phát triển hệ thống doanh nghiệp trong nước, các hoạt động chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo cơ hội nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp sản xuất nội địa, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng của sản phẩm hoàn chỉnh.

Giải pháp thực hiện chính sách là quy định các chính sách về quản lý đầu tư nước ngoài trong phát triển công nghiệp, cụ thể: Ưu đãi cho dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong công nghiệp; quản lý tỉ lệ sở hữu nước ngoài; ưu đãi đầu tư đặc biệt cho phát triển công nghiệp; đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt; nội dung ưu đãi đầu tư đặc biệt.

* Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26/2/2016 quy định khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao và sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Dự thảo Thông tư quy định khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao, bao gồm: Khám bệnh, chữa bệnh lao; đầu thầu tập trung quốc gia thuốc chống lao sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế; quản lý, điều phối sử dụng thuốc điều trị bệnh lao do nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả; thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với người nghi mắc bệnh lao, người mắc bệnh lao, người mắc bệnh lao kháng thuốc, người mắc lao tiềm ẩn và người sử dụng các dịch vụ y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao; chuyên thực hiện dịch vụ cận lâm sàng đối với người tham gia bảo hiểm y tế.

Trong đó, dự thảo nêu rõ nguyên tắc chung thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao. Người tham gia bảo hiểm y tế mắc bệnh lao, bệnh lao kháng thuốc, nghi mắc bệnh lao, lao tiềm ẩn và người sử dụng các dịch vụ y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo các quy định về chuyển tuyến và theo quy định tại Thông tư này.

Cơ sở điều trị bệnh lao ký hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm lập kế hoạch nhu cầu sử dụng thuốc chống lao tại cơ sở và gửi đơn vị đầu mối tuyển tỉnh để tổng hợp gửi Bệnh viện Phổi trung ương.

Bệnh viện Phổi Trung ương là đơn vị đầu mối tuyển trung ương tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc; lập và trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết thỏa thuận khung hoặc hợp đồng khung với các nhà thầu được lựa chọn; công bố kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung hoặc hợp đồng khung trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Y tế để các cơ sở y tế làm căn cứ hoàn thiện, ký hợp đồng với các nhà thầu được lựa chọn.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ phạm vi, quyền lợi hưởng bảo hiểm y tế.

Cụ thể, người tham gia bảo hiểm y tế bị mắc bệnh lao, lao kháng thuốc, nghi ngờ mắc lao, lao tiềm ẩn và người sử dụng các dịch vụ y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao khi đi khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế được hưởng quyền lợi theo phạm vi quyền lợi, mức hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế (trừ trường hợp đã được các nguồn tài chính hợp pháp khác chi trả).

Trường hợp có nguồn tài chính hợp pháp chi trả một phần thì phần còn lại sẽ do quỹ bảo hiểm y tế chi trả; khi sử dụng các dịch vụ y tế liên quan đến chẩn đoán, điều trị lao được quỹ bảo hiểm y tế chi trả các chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo các hướng dẫn chuyên môn chẩn đoán và điều trị lao hiện hành của Bộ Y tế.

*** Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đang dự thảo Thông tư liên tịch quy định phối hợp trong việc thực hiện tổ chức phiên tòa trực tuyến.**

Dự thảo Thông tư liên tịch quy định về phạm vi, nguyên tắc tổ chức; điều kiện; chuẩn bị phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm vụ án hình sự; vụ án hành chính; vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (vụ án dân sự) trực tuyến.

Phạm vi mở phiên tòa trực tuyến như sau: 1) Xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đối với vụ án hình sự mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng, chứng cứ rõ ràng và bị cáo đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án tại cơ sở giam giữ. 2) Xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đối với các vụ án dân sự, hành chính có tính chất đơn giản, các đương sự có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng.

Không mở phiên tòa trực tuyến đối với vụ án quy định trên khi thuộc một trong các trường hợp: 1) Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan ở nước ngoài; vụ án dân sự, hành chính có tài sản ở nước ngoài. 2) Vụ án hình sự bị cáo bị đưa ra xét xử về một trong các tội quy định tại Chương XIII, Chương XXV, Chương XXVI của Bộ luật Hình sự. 3) Vụ án hình sự, dân sự, hành chính thuộc trường hợp có thể xét xử kín theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến đối với vụ án hình sự quy định được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau: a) Bị cáo, cơ sở giam giữ có đơn, văn bản đề nghị; b) Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng có văn bản đồng ý xét xử trực tuyến; c) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định.

Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến đối với vụ án dân sự, hành chính được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau: a) Đương sự có đơn đề nghị mở phiên tòa trực tuyến; b) Viện Kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng có văn bản đồng ý mở phiên tòa trực tuyến (đối với trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng); c) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, kỹ thuật theo quy định.

Dự thảo cũng quy định cụ thể về yêu cầu đối với các điểm cầu; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ; các bước chuẩn bị phiên tòa trực tuyến cũng như việc xử lý một số tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030".**

Dự thảo nêu rõ các nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" (Đề án) tại các Bộ, cơ quan Trung ương.

Theo đó, chi thi đua, khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Đề án theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Chi xây dựng tài liệu cho các đợt bồi dưỡng, tập huấn; tài liệu truyền thông để hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên và cán bộ chủ chốt của các hội về công tác xóa mù chữ,

công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động tại các trung tâm học tập cộng đồng và công tác kiểm tra, đánh giá, công nhận/xếp loại các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Theo dự thảo, nội dung và mức chi từ ngân sách để thực hiện Đề án tại các địa phương gồm:

Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

Chi điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trong độ tuổi 15 - 60: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

Đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ được Nhà nước hỗ trợ học phẩm: Tùy thuộc tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm hỗ trợ trong phạm vi danh mục hỗ trợ học phẩm đối với cấp trung học cơ sở quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: Mức chi cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, quy mô và thời gian hoạt động của các lớp xóa mù chữ.

Chi tiền công đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù chữ, chống tái mù chữ: Mức chi tiền công tính theo số giờ thực dạy. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Chi tiền công đối với những người ngoài biên chế, nếu có đủ tiêu chuẩn và năng lực giảng dạy, tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Ngân sách Nhà nước thực hiện hỗ trợ trả tiền công cho các đối tượng này theo hợp đồng thỏa thuận. Mức tiền công tối đa theo hợp đồng tương đương với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Nguồn: baochinhpvu.vn

QUẢNG NINH: THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đưa ra quan điểm lấy phát triển hạ tầng, cải cách hành chính đồng bộ, hiện đại làm nền tảng. Để triển khai mục tiêu này, một trong những giải pháp mà Quảng Ninh tăng cường là thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Để đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, trước hết, các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức của người dân; trong đó vận động nhân dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với những thủ tục đủ điều kiện, hướng dẫn thực hiện hỗ trợ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Riêng 9 tháng năm 2021, đã có trên 2.000 lượt tin, bài đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính.

Cùng với đó, tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, trong đó có Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 26/5/2020 triển khai kết nối liên thông hệ thống một cửa điện tử của tỉnh với hệ thống một cửa điện tử của các bộ, ngành Trung ương. Ban hành danh mục thủ tục hành chính cung cấp bổ sung dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4...

Hiện nay, toàn tỉnh Quảng Ninh đã cung cấp 1.808 dịch vụ công, trong đó 355 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 1360 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỉnh còn tích cực công bố 24 danh mục, với 1.507 thủ tục hành chính trong 9 tháng năm 2021.

Tỉnh Quảng Ninh cũng chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện, trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; công khai các thủ tục trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Quảng Ninh, tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia, để người dân, doanh nghiệp nắm bắt kịp thời. Hiện, toàn tỉnh Quảng Ninh có tổng số 1.834 thủ tục hành chính, trong đó 1.448 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 278 thủ tục hành chính cấp huyện, 108 thủ tục hành chính cấp xã.

Tất cả các thủ tục hành chính đưa vào giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã, đều được xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo phân rõ người, rõ trách nhiệm, rõ việc, rõ thời gian giải quyết, gắn với rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định. Trên cơ sở đó, các sở, ngành tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Hiện nay, việc rà soát chủ yếu rút ngắn thời gian giải quyết. Cụ thể như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cắt giảm thời gian giải quyết 108 thủ tục, Sở

Văn hóa - Thể thao cắt giảm thời gian giải quyết 128 thủ tục hành chính, Sở Khoa học và Công nghệ cắt giảm thời gian giải quyết đối với 51 thủ tục hành chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cắt giảm thời gian giải quyết 33 thủ tục hành chính, Sở Tư pháp cắt giảm thời gian của 58 thủ tục hành chính...

Qua đó, việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã được các sở, ngành, địa phương thực hiện nhanh chóng, kịp thời, 9 tháng năm 2021, T Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đã tiếp nhận gần 680.000 hồ sơ; trong đó có 164.456 hồ sơ trực tuyến. Các đơn vị đã giải quyết được hơn 676.000 hồ sơ, trong đó có 319.484 hồ sơ giải quyết trước hạn; số hồ sơ còn lại đang tiếp tục được giải quyết.

Được biết, đầu tháng 10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có mục tiêu đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ công mọi lúc, mọi nơi, trên phương tiện khác nhau... Đến năm 2025, 100% thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đáp ứng yêu cầu, nhu cầu sử dụng, khai thác của các cơ quan, đơn vị của tỉnh và người dân, doanh nghiệp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Mong rằng, nỗ lực chung của các sở, ngành, địa phương sẽ giúp tỉnh thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

LAI CHÂU: BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ngày 08/11/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Quy định này quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước, tổ chức hội được giao biên chế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (gọi chung là cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện).

Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong các cơ quan, đơn vị, các tổ chức hội được giao biên chế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).

Nguyên tắc phân cấp

Đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu thống nhất quản lý nhà nước về công tác cán bộ đồng thời phân cấp cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện một số nội dung cụ thể về quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định.

Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và sự thông suốt trong quản lý ngành, lĩnh vực công tác, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhằm tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp có thẩm quyền về các quyết định của mình và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các nội dung không phân cấp tại quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung phân cấp: Tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển công tác; nâng lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch công chức; chuyển chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm và từ chức; nghỉ hưu, thôi việc.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/11/2021, thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nguồn: tcnn.vn

THANH HÓA: TẠO ĐỘNG LỰC MẠNH MẼ ĐỂ CHUYỂN ĐỔI SỐ NHANH HƠN

Ngày 10/11/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trở thành một trong số không nhiều tỉnh, thành phố ban hành được nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, hơn 1 năm qua nhiệm vụ chuyển đổi số đã được triển khai, tổ chức thực hiện ở nhiều ngành, địa phương, tuy nhiên nhận thức về vai trò quan trọng của chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân vẫn chưa rõ và đầy đủ. Nhiều người chưa mạnh dạn thay đổi thói quen, tư duy và hành động để đổi mới phương thức, quy trình, mô hình hoạt động và các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

Cùng với đó, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số còn thiếu. Tài nguyên dữ liệu số còn ít, chưa đồng bộ, hiệu quả khai thác chưa cao. Việc kết nối, liên thông dữ liệu số còn khó khăn. Xây dựng chính quyền điện tử còn chậm. Kinh tế số mới chiếm tỷ lệ nhỏ trong GRDP của tỉnh. Việc ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp còn hạn chế...

Với việc ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, tỉnh Thanh hóa xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài, cần phải có lộ trình, bước đi phù hợp, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh và từng địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cũng như mỗi người dân.

Quan điểm tỉnh đặt ra là chuyển đổi số phải được thực hiện đồng bộ, liên thông, chặt chẽ giữa các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; lựa chọn một số địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực trọng điểm, có lợi thế để thực hiện thí điểm, sau đó tổ chức đánh giá, nhân ra diện rộng; ưu tiên xây dựng chính quyền số để thúc đẩy, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số.

Mục tiêu tỉnh đặt ra đến năm 2025 có 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác từ các cơ sở dữ liệu Quốc gia. 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và trên các phương tiện truy cập. Có 90% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước và tăng lên 98% vào năm 2030. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất. Kinh tế số chiếm 20% trở lên trong GRDP của tỉnh, đến năm 2030 là 30%. Doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 50% trở lên tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế, đến năm 2030 là 80%. Về xã hội số, có 6 huyện, thị xã, thành phố và 300 xã, phường, thị trấn trở lên hoàn thành chuyển đổi số theo Bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2030 là 100% huyện, thị xã, thành phố và 80% xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50% trở lên, đến năm 2030 là 80%.

Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư này muốn phát triển, hội nhập sâu rộng thì không thể tách rời hoạt động chuyển đổi số. Đây là xu thế tất yếu và rất cần thiết nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, sức cạnh tranh của các ngành, các sản phẩm, các doanh nghiệp và cả nền kinh tế của tỉnh.

Với việc ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU cho thấy tỉnh Thanh Hóa đã có bước nhảy vọt về nhận thức. Để nghị quyết sớm hiện thực cần phải có sự nhảy vọt về trách nhiệm, hành động vào cuộc của các cấp, ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân cả tỉnh.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: XÁC ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 18/11, tiếp tục chương trình phiên họp thường kỳ tháng 10, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030.

Xây dựng chế tài xử lý vi phạm cải cách hành chính tron quy chế nội bộ

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện; thủ tục hành chính được đơn giản hóa, công khai, minh bạch, giảm thời gian và chi phí thực hiện; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được nâng lên.

Giai đoạn 2011 - 2020, các chỉ số liên quan đến cải cách hành chính được cải thiện qua hàng năm. Năm 2020, Chỉ số cải cách hành chính (PAR index) xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 18/63 tỉnh, thành; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) xếp thứ 15/63 tỉnh, thành.

Cùng với đó, tổ chức bộ máy từng bước được sắp xếp tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được bố trí, sắp xếp hợp lý hơn, chất lượng được nâng lên; tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế, như: Thể chế hành chính còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ. Thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực vẫn còn rườm rà, phức tạp. Thủ tục thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở một số cơ quan, đơn vị còn hình thức, chất lượng chưa cao. Tính chủ động, hiệu quả công tác của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức cũng chưa cao;...

Trong bối cảnh trên, việc xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 được xác định trọng tâm là tiếp tục cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất tốt; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

Dự thảo Nghị quyết đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, các Chỉ số: Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong nhóm 15 cả nước. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index) trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục phấn đấu tăng thứ hạng các chỉ số so với năm 2025.

Tại cuộc làm việc, ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản đồng tình với dự thảo Nghị quyết; đồng thời, trao đổi thêm về các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

nhằm thực hiện các mục tiêu trên, như: bên cạnh xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước thì cần có giải pháp xử lý; thể hiện rõ kết quả xử lý vi phạm thông qua công tác kiểm tra, giám sát thực thi công vụ; ...

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Lê Hồng Vinh đề nghị có giải pháp tăng cường tập huấn, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp vì hiệu quả cải cách hành chính phải xuất phát từ hai phía là cơ quan chính quyền các cấp và cả người dân, doanh nghiệp.

Phát biểu góp ý vào dự thảo Nghị quyết, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nguyễn Văn Thông đề nghị bên cạnh các quy định pháp luật của Nhà nước, thì Nghị quyết cần bổ sung giải pháp trong quy chế nội bộ của từng cơ quan, đơn vị. Đặc biệt, tại các cơ quan giải quyết những thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp phải quy định thêm quy trình, thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức gắn với chế tài xử lý cụ thể, nhằm điều chỉnh hành vi, nâng cao trách nhiệm và có thể xử lý kịp thời nếu cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định trong quy chế nội bộ; qua đó nâng cao chất lượng thực thi công vụ ngay từ mỗi cơ quan, đơn vị.

Chuyển đổi số nhanh chóng, toàn diện nền hành chính công

Kết luận nội dung này, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An Thái Thanh Quý cơ bản đồng tình với các nội dung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà dự thảo Nghị quyết xây dựng. Tuy nhiên, người đứng đầu Tỉnh ủy bày tỏ trăn trở khi các giải pháp trong dự thảo Nghị quyết chưa đưa ra được giải pháp đột phá cho công tác cải cách hành chính của tỉnh trong giai đoạn tới.

Qua phân tích, Bí thư Tỉnh ủy đề nghị Nghị quyết cần đề cập rõ giải pháp đột phá cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Nghệ An là chuyển đổi số nhanh chóng và toàn diện nền hành chính công; qua đó dành nguồn lực, công sức và đặt ra yêu cầu rất cao để thực hiện giải pháp này. Mục tiêu hướng đến là tạo được nền tảng số để người dân, doanh nghiệp khi giao dịch với chính quyền không cần phải trực tiếp đến các cơ quan Nhà nước mà giao dịch trực tiếp qua mạng.

Song song với lộ trình thực hiện chuyển đổi số, Bí thư Thái Thanh Quý yêu cầu cần phải tiếp tục cắt giảm các thủ tục hành chính; tiếp tục xây dựng quy trình xử lý hồ sơ theo quy chuẩn, nhất là hồ sơ liên quan đến dịch vụ công, các chủ trương đầu tư, các dự án triển khai; đồng thời phát huy tinh thần, thái độ, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; từng cơ quan cần phải đẩy nhanh chuyển đổi số.

Sau khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua, dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 sẽ được trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thảo luận, cho ý kiến trước khi hoàn thiện và ban hành ...

Nguồn: baonghean.vn

BÌNH DƯƠNG: ĐỒNG BỘ HÓA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Trong giai đoạn “bình thường mới”, việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là việc làm cấp thiết. Mới đây, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã giao Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh chủ trì tổ chức hội nghị trực tuyến triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo sự đồng bộ, dễ tiếp cận cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Hoàn thành các chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến

Theo Sở Thông tin và Truyền thông, đến nay tổng số thủ tục hành chính của tỉnh là 1.942, cấp tỉnh 1.557, cấp huyện 258, cấp xã 127. Trong đó, tỉnh đã triển khai dịch vụ công trực tuyến là 1.598, có 1.000/1.598 dịch vụ công có biểu mẫu điện tử tương tác (gọi tắt là e-Form); 619/1.598 dịch vụ công có phát sinh hồ sơ. Tỉnh Bình Dương đã có 719 dịch vụ công tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lộ trình thực hiện cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh Bình Dương trong năm 2021, cụ thể như sau: Trước ngày 26/11/2021, thực hiện cung cấp 100% dịch vụ công mức độ 2 lên mức độ cao hơn trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Trước ngày 26/12/2021, thực hiện cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Ngày 01/01/2022, vận hành chính thức dịch vụ công mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Bình Dương.

Mục tiêu hiện nay của tỉnh là hoàn thành các chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025. Cùng với đó là thực hiện mục tiêu cung cấp và triển khai thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trong năm 2021.

Trước mục tiêu này, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các cơ quan hành chính được triển khai bảo đảm không trùng lặp với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 do các cơ quan Trung ương đã triển khai theo ngành. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và chất lượng dịch vụ công trực tuyến trong phạm vi toàn tỉnh.

Mới đây, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức hội nghị triển khai nhằm hoàn thiện Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; thực hiện kết nối, tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thanh toán đáp ứng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia với

Công dịch vụ công của tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành...

Những việc cần làm ngay

Vấn đề đặt ra là để đồng bộ hóa dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm người dân dễ tiếp cận và thực hiện thì các sở, ban, ngành phải làm gì? Trước đòi hỏi này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, chuẩn hóa, thống nhất quy trình theo lộ trình; hoàn thiện chức năng thanh toán trực tuyến của Công dịch vụ công quốc gia và của tỉnh gắn với việc phát hành biên lai thu phí điện tử; đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu dân cư, doanh nghiệp phục vụ hỗ trợ điện thông tin đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu vào biểu mẫu điện tử. Sở Thông tin và Truyền thông chủ động chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên rà soát, nâng cấp, bảo đảm Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, vận hành thông suốt; thực hiện tích hợp, kết nối hệ thống thông tin một cửa điện tử, Công dịch vụ công của tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia, các phần mềm nghiệp vụ và các hệ thống thanh toán đáp ứng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, như: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp triển khai tập huấn việc tái cấu trúc, xây dựng quy trình thủ tục hành chính triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tập huấn, hướng dẫn nhân sự một cửa các cấp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tính pháp lý hồ sơ điện tử. Cùng với đó là phối hợp với các cơ quan báo chí, đài truyền thanh từ cơ sở để tuyên truyền, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Sở Tư pháp phối hợp các cơ quan chuyên môn tổ chức hướng dẫn các địa phương thực hiện nghiệp vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Công dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định của pháp luật. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các ngân hàng, đơn vị trung gian thanh toán (VNPAY, VNPT Pay, Momo) tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt bảo đảm phù hợp theo quy định...

Nguồn: mic.gov.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: PHÊ DUYỆT

KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH PHIÊN BẢN 2.0

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định 3769/QĐ-UBND phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh phiên bản 2.0.

Theo đó Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phiên bản 2.0 gồm 5 kiến trúc chính: kiến trúc nghiệp vụ, kiến trúc dữ liệu, kiến trúc ứng dụng, kiến trúc công nghệ, kiến trúc an toàn thông tin. Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phiên bản 2.0 định hướng về mặt nguyên tắc, thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình thực

hiện các dự án đầu tư liên quan đến công nghệ thông tin của tỉnh, hoàn chỉnh hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đơn vị. Từ đó tăng năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao sự tiện lợi cho doanh nghiệp và người dân.

Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phiên bản 2.0 là cơ sở quan trọng để tiếp tục tiến trình chuyển đổi sang chính phủ số và kiến toàn hệ thống Chính quyền điện tử hiện có, ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi và hiệu quả trong mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để phục vụ cải cách hành chính, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO điện tử, nâng cao năng suất lao động, góp phần hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

KIÊN GIANG: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỐT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

Không phải đi lại nhiều lần, tiết kiệm thời gian và chi phí trong khi vẫn đảm bảo nhận được kết quả chính xác, kịp thời và an toàn... Đó là những tiện ích thiết thực khi người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai đi vào thực hiện trong nhiều năm qua.

Hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh

Với mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch và tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong tỉnh tiếp cận việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trực tuyến và việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Trong thời gian qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã công bố nhiều danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Cùng với đó, đã ký Thỏa thuận hợp tác với Bưu điện tỉnh thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn toàn tỉnh.

Năm 2021, tiếp tục là năm đầy khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tuy nhiên số doanh nghiệp ở tỉnh Kiên Giang vẫn không ngừng tăng lên. Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, từ đầu năm đến nay (11/2021) có 1.133 doanh nghiệp đăng ký mới với tổng vốn 22.666,89 tỷ đồng, nâng tổng số số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh lên đến 11.392 đơn vị với tổng vốn 148.333,69 tỷ đồng. Trong đó có hơn 3.800 lượt hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng (online), tỷ lệ đăng ký qua mạng tăng 155% so với cùng kỳ. Tiếp nhận và trả kết quả qua bưu điện là 2.133 lượt, chiếm trên 31% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận.

Theo thỏa thuận được ký kết, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bưu điện tỉnh Kiên Giang sẽ hợp tác, phối hợp trong việc triển khai, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và cung ứng dịch vụ bưu chính chuyên phát dưới các hình thức: Gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gửi hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các điểm phục vụ của bưu điện hoặc tại địa chỉ theo yêu cầu của tổ chức cá nhân; Việc chuyển phát hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng theo yêu cầu của Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, đối chiếu số lượng có ký nhận đầy đủ, bảo đảm đúng thời gian trong thỏa thuận hợp tác. Và thực hiện nhiều danh mục các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện là một trong những giải pháp quan trọng trong việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính mang lại hiệu quả, ý nghĩa thiết thực. Nhất là giúp người dân, doanh nghiệp giảm chi phí, thời gian, giảm áp lực cho các cơ quan nhà nước, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Góp phần xây dựng mô hình chính quyền điện tử

Trưởng phòng Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Đào Duy Hưng cho biết: Về quy trình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì không bắt buộc người dân phải đến trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thì tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính chỉ cần đến các bưu cục thuộc Bưu điện tỉnh để nộp hồ sơ, kèm lệ phí (nếu có) thay vì việc phải đến trực tiếp cơ quan để nộp hồ sơ và nhận kết quả. Cụ thể, Bưu điện tỉnh sẽ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, doanh nghiệp tại các điểm phục vụ của bưu điện. Sau khi thủ tục hoàn tất hồ sơ, các điểm tiếp nhận hồ sơ sẽ chuyển phát hồ sơ về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Nhân viên bưu điện và cán bộ tiếp nhận hồ sơ thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng kiểm tra hồ sơ bảo đảm khớp đúng với biên bản giao nhận, ký vào biên bản xác nhận, nhận phiếu hẹn từ Sở Kế hoạch và Đầu tư. Khi có kết quả giải quyết xong các thủ tục thì nhân viên bưu điện nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thực hiện chuyển phát nhanh chóng đến địa chỉ của người yêu cầu.

Bên cạnh đó, hai bên thường xuyên phối hợp tổ chức đánh giá việc thực hiện thỏa thuận hợp tác đã ký kết, kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Có thể nói, việc hợp tác giữa hai bên nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức và cá nhân có yêu cầu thực hiện các thủ tục hành chính, qua đó tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân. Góp phần thực hiện cải cách thủ tục hành chính, giảm tải công việc, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời, góp phần quan trọng trong việc Kiên Giang xây dựng mô hình chính quyền điện tử, tăng chỉ số cải cách hành chính và chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh trong thời gian tới.

Nguồn: kinhtedothi.vn

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC THEO HIẾN PHÁP VIỆT NAM

Kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu tất yếu đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều này đã được khẳng định trong các bản Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2001 (kể cả các lần sửa đổi, bổ sung), đặc biệt là trong Hiến pháp năm 2013 cũng như các đạo luật về tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Quy định về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong các bản Hiến pháp Việt Nam năm 1959, 1980, 1992, 2001 và 2013

Trước năm 1992, tuy chưa sử dụng thuật ngữ “kiểm soát quyền lực nhà nước”, nhưng trong Hiến pháp và các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước đã hình thành những quy định có liên quan đến nội dung này. Cụ thể, tại Khoản 3 Điều 50 Hiến pháp năm 1959 quy định Quốc hội có quyền “giám sát việc thi hành Hiến pháp”. Khoản 3, Điều 83 Hiến pháp năm 1980 quy định Quốc hội “thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật”; Khoản 7 Điều 100 quy định Hội đồng Nhà nước “giám sát công tác của Hội đồng Bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao”; Khoản 9 Điều 100 quy định Hội đồng Nhà nước “giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Điều 138 quy định Viện Kiểm sát nhân dân tối cao “kiểm soát việc tuân theo pháp luật của các Bộ và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và các đơn vị vũ trang nhân dân...”. Mặc dù Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980 có những quy định liên quan đến kiểm soát quyền lực nhà nước, nhưng vì tổ chức quyền lực nhà nước khi đó theo nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa nên chưa được phân công minh bạch và cơ chế kiểm soát chưa có cơ sở ra đời.

Đến Hiến pháp năm 1992, nhận thức về kiểm soát quyền lực nhà nước đã có bước phát triển mới; theo đó lần đầu tiên trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước chính thức sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền”. Đây là bước đột phá về nhận thức để từng bước chuyển từ tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa sang tổ chức quyền lực theo nguyên tắc phân công, phối hợp. Hiến pháp năm 2001 tiếp tục khẳng định nguyên tắc này.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”(1). Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng từ trực thuộc Chính phủ chuyển sang trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban đã giúp việc kiểm soát quyền lực, nhất là lạm quyền, lạm dụng, lợi dụng quyền lực để trục lợi có hiệu quả hơn.

Thể chế hóa và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị, vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước đã có bước phát triển về chất, được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong Hiến pháp năm 2013. Các Điều 69, 94 và 102 Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận nguyên tắc

phân công, phối hợp quyền lực nhà nước, đồng thời quy định rõ các chủ thể thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp: “Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp”; “Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp”; “Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp”. Đặc biệt, nguyên tắc “kiểm soát” được bổ sung: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” (Điều 2). Quy định này đã thể hiện sự phát triển về lý luận và thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta qua những điểm sau:

Một là, phân công, phối hợp và kiểm soát thực hiện quyền lập pháp. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp”. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước khác, đặc biệt là Chính phủ cũng có quyền tham gia vào quy trình lập hiến, lập pháp. Khoản 2 Điều 96 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Chính phủ “đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội”.

Trong quy trình xây dựng luật, Chính phủ đóng vai trò trình bày, tiếp nhận các ý kiến phản hồi và thảo luận để hoàn thiện dự án luật. Quốc hội có quyền đề xuất và quyết định sửa đổi các dự án luật do Chính phủ trình. Chính phủ có quyền thảo luận các đề xuất, ý kiến của Quốc hội để giải trình dự án luật. Mặt khác, Hiến pháp cũng quy định các cơ quan nhà nước có quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhưng không được trái với Hiến pháp và các đạo luật.

Hai là, phân công, phối hợp và kiểm soát thực hiện quyền hành pháp. Theo quy định tại Điều 94 Hiến pháp năm 2013, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp. Quy định này nhằm xây dựng một Chính phủ mạnh, liêm khiết, một hệ thống hành chính nhà nước thông suốt, được phân công cụ thể, rành mạch, có đầy đủ quyền lực và công cụ hiến định để thực hiện quyền hành pháp.

Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định Chính phủ thực hiện quyền hành pháp là một bước tiến quan trọng trong việc xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ được quy định trong Hiến pháp năm 2013 đều thể hiện quyền hành pháp của Chính phủ là thống nhất quản lý về mọi mặt của đời sống xã hội; thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tổ chức đàm phán, ký kết điều ước quốc tế theo thẩm quyền... Như vậy, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Bên cạnh hệ thống các cơ quan hành pháp, theo Hiến pháp năm 2013, các cơ quan nhà nước như Chủ tịch nước, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, các cơ quan đảng cũng tham gia thực hiện quyền hành pháp, cụ thể là:

Chủ tịch nước tham gia thực hiện quyền hành pháp, thể hiện qua thẩm quyền tham dự phiên họp của Chính phủ; quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét

thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước (Điều 90); quyền tham gia thành lập Chính phủ (Khoản 2 Điều 88); quyền thống lĩnh lực lượng vũ trang (Khoản 5 Điều 88). Sự ghi nhận quyền của Chủ tịch nước trong việc yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết thể hiện sự dịch chuyển gần hơn Chủ tịch nước sang nhánh hành pháp, mặc dù thiết chế này về cơ bản có sự phối hợp giữa các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao cũng tham gia hoạt động hành pháp, thể hiện rõ nhất là thông qua thẩm quyền quản lý công tác cán bộ và cơ sở vật chất của các Viện kiểm sát, Tòa án địa phương nhằm tăng tính độc lập so với cơ quan hành pháp. Các hoạt động của Viện kiểm sát trong công tố và kiểm sát tư pháp cũng có nhiều đặc điểm của hành pháp.

Ngoài các cơ quan nhà nước thực hiện vai trò, chức năng xây dựng, quyết định chính sách theo quy định của pháp luật, các cơ quan của Đảng cũng có vai trò đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực này. Thực tế, các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội lớn của đất nước đều được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận và quyết định thông qua để làm định hướng cho hoạt động xây dựng pháp luật của Nhà nước, qua đó bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Với vai trò là đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, quyết định các chính sách quốc gia.

Ba là, phân công, phối hợp và kiểm soát thực hiện quyền tư pháp. Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên khẳng định: Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp (Điều 102), đồng thời khẳng định “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...” (Khoản 1 Điều 102). Việc Hiến pháp năm 2013 có quy định mở, trong đó nêu rõ Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các tòa án khác do luật định (khoản 2, Điều 102) đã tạo cơ sở cho việc hình thành hệ thống tòa án theo cấp xét xử, qua đó nâng cao tính độc lập của các tòa án với các cơ quan nhà nước ở địa phương. Đây là sự hiến định chủ trương của Đảng trong Chiến lược cải cách tư pháp. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2013 không nêu rõ mô hình tổ chức tòa án mà để cho luật định.

Quá trình đổi mới nhận thức về kiểm soát quyền lực nhà nước là sự vận động tất yếu của nhận thức, là quá trình kế thừa, phát triển tư duy, đấu tranh với quan điểm và thói quen của mô hình tập quyền xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 2013 đã hiến định nguyên tắc kiểm soát quyền lực, đồng thời cụ thể hóa sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân ở nước ta, phù hợp với xu thế quốc tế và thời đại. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục yêu cầu: “Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền”(2).

2. Thực trạng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay

Các nội dung đã nêu trên cho thấy, Đảng và Nhà nước ta đã thể hiện quyết tâm xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực thật sự hiệu lực, hiệu quả thông qua Hiến pháp và pháp luật, trong đó Hiến pháp giữ vị trí tối thượng. Qua đó, đã ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng tha hóa quyền lực nhà nước, nhất là lạm quyền, lộng quyền, lợi dụng quyền lực, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, liêm chính và phát huy các quyền làm chủ của Nhân dân với phương châm thực hành dân chủ rộng rãi gắn với tăng cường pháp chế, thượng tôn pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh ưu điểm và những kết quả đã đạt được, việc thực hiện quyền lực nhà nước vẫn còn những hạn chế như:

Một là, biểu hiện lộng quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực trong lĩnh vực lập pháp.

Lập pháp là lĩnh vực đầu tiên trong hoạt động tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước để tạo lập hệ thống pháp luật - quy tắc xử sự bắt buộc chung cho xã hội thực hiện, tuân theo, tránh hoặc loại trừ các hành vi không phù hợp pháp luật. Pháp luật là công cụ pháp lý - công cụ quan trọng nhất, mạnh nhất, hiệu lực nhất, hiệu quả nhất phục vụ cho quản lý xã hội và quản lý nhà nước. Với tính chất quan trọng của pháp luật và cơ quan lập pháp thì việc lộng quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực là rất nguy hiểm vì nó có thể không chế, hạn chế, “lũng đoạn” chính sách... từ đó gây khó khăn cho việc thiết lập thể chế và thi hành pháp luật.

Lộng quyền trong lĩnh vực lập pháp, được hiểu là hành động “lấn át” đề ra văn bản pháp luật hoặc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động, chức trách thuộc thẩm quyền lập pháp của cấp trên, như: Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội; Ủy ban của Quốc hội thực hiện hành vi “lấn át” quyền giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về hành vi cá nhân, hành vi lộng quyền có biểu hiện như: Phó Chủ nhiệm Ủy ban có hành vi lấn át quyền của Chủ nhiệm Ủy ban trong điều hành hoạt động của Ủy ban đó. Cũng có thể coi hành vi lộng quyền trong lập pháp nếu người lãnh đạo một vụ chuyên môn giúp việc Ủy ban của Quốc hội lấn át quyền điều hành thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Thường trực Ủy ban. Sự lấn át hoạt động lập pháp của một Ủy ban có chức năng thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh hay nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chính là sự “lộng quyền”, hay “lấn át” quyền lực chính thức.

Lạm quyền trong lĩnh vực lập pháp, như các cơ quan của Quốc hội lạm quyền của nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được luật pháp giao. Theo quy định của pháp luật, Hội đồng Dân tộc và mỗi Ủy ban của Quốc hội đều có nhiệm vụ, quyền hạn được phân định cụ thể. Mặc dù quy định được ghi rõ ràng nhưng cách hiểu về mỗi nhiệm vụ, nhất là trong từng tình huống nhiệm vụ là không đơn giản nên tình trạng lạm quyền vẫn xảy ra.

Lợi dụng quyền lực trong lĩnh vực lập pháp, là cản trở hoạt động của cơ quan khác. Hành vi lợi dụng quyền lực trong lập pháp được hiểu là lợi dụng vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lập pháp để thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm gây khó khăn cho chủ thể khác để trục lợi, như việc thành viên Ủy ban của Quốc hội được giao thẩm tra dự án luật, pháp lệnh lợi dụng vị trí, nhiệm vụ của mình để buộc thành viên của ban soạn thảo phải “bồi dưỡng” ngoài quy định; lợi dụng thẩm quyền thẩm tra dự án luật, pháp lệnh để yêu cầu bộ,

ngành bổ sung con em của mình vào đoàn đi công tác nước ngoài, hoặc tuyển dụng người thân vào làm việc...

Hai là, biểu hiện lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực thường gặp trong lĩnh vực hành pháp.

Hành pháp là lĩnh vực quan trọng và rất phức tạp, là hoạt động của cả hệ thống được thực hiện trên cơ sở bốn cấp: cấp Trung ương; cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã. Hoạt động của hệ thống hành pháp là trực tiếp giải quyết những công việc hàng ngày có liên quan đến đời sống của nhân dân, gắn với lợi ích vật chất và tinh thần của cá nhân, tổ chức nên cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan hành pháp rất dễ lạm quyền, lạm quyền và lợi dụng quyền lực trong thi hành công vụ.

Lạm quyền trong lĩnh vực hành pháp, có biểu hiện khá nhiều và dễ nhận biết, gồm các hình thức như: lạm quyền trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền; lạm quyền trong chỉ đạo - điều hành, tổ chức, thực hiện các hoạt động thi hành pháp luật, tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện kế hoạch, chương trình, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ... Thực tế, có một số hành vi lạm quyền thường gặp trong lĩnh vực hành pháp là: trong thiết kế, quy định các chính sách, quy định phục vụ cho các hoạt động hành pháp thuộc thẩm quyền được pháp luật quy định; tổ chức triển khai thực thi các quy định của pháp luật; thực hiện các hoạt động kinh tế; trong thực hiện các chính sách, pháp luật về lĩnh vực xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo trợ xã hội, chính sách, pháp luật người có công,...); thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thực hiện nhiệm vụ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tội phạm.

Lạm quyền trong lĩnh vực hành pháp có thể phân chia thành các loại hành vi:

Thứ nhất, trong xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo ra hoặc định hướng tạo ra chính sách theo ý chí chủ quan. Việc “chồng lấn” trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn nhằm tạo ra chính sách, quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của cơ quan hành pháp như chỉ thị, quyết định, quy định của ngành, địa phương, cơ quan...

Thứ hai, trong tổ chức thực thi chính sách, pháp luật. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tổ chức thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các chính sách của Nhà nước là “linh hồn” của hành pháp. Công tác chỉ đạo, điều hành là nhiệm vụ quan trọng của người lãnh đạo, quản lý phải bảo đảm đúng thẩm quyền, chức trách, sự phân cấp trên cơ sở pháp luật. Trường hợp chỉ đạo, điều hành thực hiện mà “lấn sân” của người khác, tức là “lạm” vào chức trách của người được giao quyền sẽ làm tổn hại đến quyền lực, uy tín của Nhà nước, của người được giao chức trách đó.

Thứ ba, trong thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Mỗi cơ quan có chức trách riêng, cơ quan thanh tra nhà nước đảm nhiệm chức năng, nhiệm vụ chung theo luật và quy định của Chính phủ; được phân cấp, phân quyền rõ ràng. Ví dụ, việc thanh tra hoạt động luật sư, trợ giúp pháp lý hay thanh tra công tác hộ tịch thuộc thẩm quyền của Bộ

Tư pháp. Nếu Bộ Công an tiến hành thanh tra công tác luật sư hoặc hoạt động của đoàn luật sư, thì đó là sự “lấn sân” của Bộ Công an với Bộ Tư pháp. ...

Lợi dụng quyền lực trong lĩnh vực hành pháp khá phổ biến. Thời gian qua nhiều vụ án được thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử đều có những điểm chung là lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong thực hiện công vụ để trục lợi với các hành vi như: ban hành văn bản quản lý trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung; ra ý kiến chỉ đạo hoặc mệnh lệnh trái pháp luật và yêu cầu thực hiện; ký hoặc cho phép ký kết các hợp đồng sai nguyên tắc nhằm trục lợi; làm giả hồ sơ, con dấu, làm hồ sơ không...; làm giả hoặc yêu cầu thuộc cấp làm giả bằng cấp, chứng chỉ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đề bạt “thần tốc” người nhà, người thân quen vào các vị trí lãnh đạo, quản lý; chiếm hữu, định đoạt, sử dụng tài sản sai chế độ, chính sách quy định; đi nước ngoài hoặc cho người khác đi nước ngoài trái chế độ, tiêu chuẩn, chính sách; đặt ra các thủ tục hành chính, giấy phép, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình... trái pháp luật gây khó khăn, những nhiễu để trục lợi; vòi vĩnh tiền bạc hoặc cưỡng bức đối tượng bị thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phải thực hiện hoặc không thực hiện vì lợi ích của cá nhân, đơn vị mình; tiếp tay cho thế lực thù địch, phản động làm tổn hại cho Đảng, cho đất nước để trục lợi... Hành vi lợi dụng quyền lực trong hành pháp là rất đa dạng, đa diện, đa tầng, có thể xảy ra ở mọi cấp, mọi nơi, mọi lĩnh vực trong hoạt động hành chính nhà nước.

Ba là, biểu hiện lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực thường gặp trong lĩnh vực tư pháp. Tư pháp là lĩnh vực bảo vệ pháp luật, bảo đảm công lý, công bằng; bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Các hoạt động trong lĩnh vực tư pháp có tính nhạy cảm cao, vì vậy được pháp luật quy định rất chặt chẽ nhằm bảo đảm chủ thể khó có thể thực hiện hành vi trái luật, xâm hại các đối tượng được bảo vệ. Tuy nhiên, trên thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền hạn được giao trong thực thi công vụ.

Lạm quyền trong lĩnh vực tư pháp, được biểu hiện dưới các hành vi, như: cơ quan điều tra cấp dưới, điều tra viên lấn át quyền của cấp trên; cơ quan kiểm sát cấp dưới, kiểm sát viên lấn át quyền của cấp trên; cơ quan nội chính, thanh tra, kiểm tra cấp dưới, thanh tra viên, kiểm tra viên lấn át quyền của cấp trên; thẩm phán, hội thẩm nhân dân lấn át quyền của nhau; thư ký tòa án lấn át quyền của thẩm phán (trong khi hòa giải, xét xử); cơ quan thi hành án cấp dưới lấn át quyền của cơ quan thi hành án cấp trên; cán bộ thi hành án hình sự, chấp hành viên thi hành án dân sự lấn át quyền của cấp trên... Các hành vi lạm quyền có thể dẫn đến ra quyết định, bản án không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm các quy tắc, quy định, quy trình trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, bắt, giam, tha...

Lạm quyền trong lĩnh vực tư pháp, không nhằm “lấn át” mà là thực thi “lạm” quyền của cán bộ, công chức, đơn vị, cơ quan khác. Biểu hiện lạm quyền có thể thực hiện công khai hoặc ngầm ngầm dưới các hành vi, như: cơ quan điều tra cấp dưới, điều tra viên lạm thi quyền của cấp trên hoặc lạm thi nhiệm vụ được phân công cho điều tra viên khác; cơ quan kiểm sát cấp dưới, kiểm sát viên lạm thi quyền của cấp trên hoặc của kiểm sát viên khác; cơ quan nội chính, thanh tra, kiểm tra cấp dưới, thanh tra viên, kiểm tra viên lạm thi quyền của cấp trên hoặc của thanh tra viên, kiểm tra viên khác... để phục vụ ý đồ riêng hay trục lợi.

Lợi dụng quyền lực trong lĩnh vực tư pháp, thường được thực hiện dưới các hành vi như: lợi dụng chức trách của điều tra viên, cán bộ điều tra để thực hiện một số nhiệm vụ điều tra trái pháp luật nhằm đạt được lợi ích riêng; lợi dụng chức trách của kiểm sát viên để thực hiện các hành vi trái pháp luật trong công tác thuộc lĩnh vực kiểm sát, như xử lý tin tố giác tội phạm, phê chuẩn việc khởi tố, bắt giam, điều tra, tha, truy tố trước pháp luật bị can, bị cáo; lợi dụng chức trách của thanh tra viên, kiểm tra viên để thực hiện các hành vi trái pháp luật trong công tác thuộc lĩnh vực của mình; lợi dụng chức trách của thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thẩm tra viên, thư ký tòa án, cán bộ tòa án để thực hiện hành vi trái pháp luật trong hoạt động thụ lý hồ sơ, hòa giải, xét xử, ra quyết định thi hành án, quyết định đặc xá; lợi dụng chức trách của chấp hành viên, cán bộ thi hành án hình sự, dân sự để thực hiện hành vi trái pháp luật trong thụ lý, quyết định, tiến hành thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, thi hành các phán quyết có hiệu lực của trọng tài (trong nước hoặc nước ngoài)...

Như vậy, lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực nhà nước của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong quá trình vận hành quyền lực nhà nước chính là biểu hiện mặt trái, mặt tiêu cực của quyền lực nhà nước. Khi xảy ra lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực được giao sẽ ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực thi đường lối, chính sách, pháp luật, tạo cơ hội, điều kiện vi phạm pháp luật, tham nhũng, “lợi ích nhóm”. Đồng thời, gây mất đoàn kết trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương, bộ, ngành, tổ chức, thậm chí gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, an ninh, chính trị của đất nước. Do đó, cần phải tăng cường và nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm pháp luật được ban hành và thực thi có hiệu lực, hiệu quả, chất lượng nhất. Đó là đòi hỏi cấp bách của quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

PGS. TS. Vũ Văn Phúc, Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương,

Nguyên Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản

Hà Hữu Đức, Nguyên Phó Vụ trưởng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2011, tr.85.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2016, tr.40.

CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI: GẦN DÂN, HIỂU DÂN, TRỌNG DÂN...

Thời gian qua, công tác dân vận chính quyền của TP. Hà Nội luôn “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, đồng thời bám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Qua đó, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; dân chủ tại cơ sở được phát huy và nâng cao; chất lượng phục vụ nhân dân tiếp tục có những chuyển biến rõ rệt, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra...

Bám sát việc khó

Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội Nguyễn Doãn Toàn cho biết, thời gian qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai công tác dân vận chính quyền trên địa bàn TP. Hà Nội luôn được quan tâm thực hiện, gắn với việc mới, việc khó; bám sát các nhiệm vụ chính trị của thành phố và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Theo Bí thư Đảng ủy, Cục trưởng Cục thuế TP. Hà Nội Mai Sơn, những năm qua, Cục Thuế thành phố luôn quan tâm nghiên cứu, đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong quản lý thuế. Năm 2020, dịch COVID-19 bùng phát, song nhờ làm tốt công tác “Dân vận khéo”, Cục Thuế đã hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách, đạt 102,8% dự toán được giao, tăng 6,6% so với thực hiện năm 2019.

Trong khi đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy Bùi Tuấn Anh cho biết, xác định công tác dân vận chính quyền có vị trí, vai trò rất quan trọng, quận đã thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại. 100% đơn được tiếp nhận và xử lý theo quy trình quy định, tỷ lệ hòa giải thành công đạt 89,6%... Đến nay, trên địa bàn quận không còn vụ việc phức tạp.

Chia sẻ về kết quả triển khai công tác dân vận chính quyền, Trưởng ban Ban Dân vận Quận ủy Long Biên Nguyễn Quốc Long cho biết, 9 tháng năm 2021, quận Long Biên đã phê duyệt 499 phương án giải phóng mặt bằng với tổng diện tích 23,6ha, số tiền bồi thường, hỗ trợ là 289 tỷ đồng. “Lấy vận động, thuyết phục làm then chốt, Ủy ban nhân dân quận phối hợp với Ban Dân vận Quận ủy tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với hộ dân; vận động người dân hợp tác đo đạc, kiểm đếm, giám sát phương án bồi thường. Kết quả, người dân đều tự nguyện bàn giao mặt bằng, quận không phải tổ chức cưỡng chế với bất cứ trường hợp nào”, ông Nguyễn Quốc Long nói.

Đánh giá về việc triển khai Quy chế dân chủ trong công tác giải phóng mặt bằng của quận Long Biên, bà Nguyễn Thị Hà (phường Phúc Đồng, quận Long Biên) cho rằng, thông qua đối thoại, lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, nhiều băn khoăn đã được giải quyết thỏa đáng, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao. Nhờ vậy, các dự án đã được triển khai đúng tiến độ, góp phần đưa quận Long Biên ngày càng khang trang, sạch đẹp.

Không ngừng đẩy mạnh cải cách hành chính

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc triển khai công tác dân vận chính quyền, song nội dung này thời gian qua vẫn còn một số hạn chế. Nổi cộm là còn một bộ phận cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm khi giải quyết các vụ việc liên quan đến lợi ích của công dân, dẫn đến khiếu kiện vượt cấp. Việc công bố, công khai thủ tục hành chính chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục nên việc tra cứu, thực hiện của công dân, tổ chức còn gặp nhiều khó khăn...

Để khắc phục, theo Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Chu Ngọc Anh, trong công tác dân vận chính quyền, thời gian tới thành phố sẽ thực hiện nghiêm Chi thị số 07-CT/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước. Trong đó, tập trung nắm bắt sát sao tình hình, nhất là những bức xúc trong Nhân dân; đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của thành phố; thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở...

Bày tỏ quyết tâm làm tốt công tác dân vận chính quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy Bùi Tuấn Anh cho biết, quận Cầu Giấy sẽ tiếp tục chú trọng công tác hòa giải, đối thoại; tập trung nâng cao đạo đức công vụ, văn hóa công sở...; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động hiệu quả.

Theo Bí thư Đảng ủy, Cục trưởng Cục thuế TP. Hà Nội Mai Sơn, ngành Thuế sẽ tiếp tục tổ chức các hội nghị đối thoại định kỳ với doanh nghiệp để nắm bắt được những bất cập trong quá trình triển khai chính sách, đồng thời nhân rộng những cách làm hay để nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách...

Là người trực tiếp tham gia công tác dân vận chính quyền ở cơ sở, chị Phạm Thị Mai, công chức làm việc tại bộ phận "một cửa" Ủy ban nhân dân xã Thanh Liệt (huyện Thanh Trì) cho biết, sẽ thường xuyên cập nhật các văn bản mới của Chính phủ, TP. Hà Nội để tuyên truyền tới nhân dân cùng nắm bắt và thực hiện tốt. Song song đó là thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc TP. Hà Nội.

Thời gian tới, TP. Hà Nội sẽ tăng cường hoạt động đối thoại, đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân ở tất cả các cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định của pháp luật, không để khiếu nại tồn đọng, vượt cấp. Qua đó góp phần thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của thành phố.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

CHÍNH PHỦ: ĐIỀU CHỈNH THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG

Ngày 15/11/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP.

Theo đó, điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng quy định tại Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế và Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2020/NĐ-CP.

Cụ thể, thuế xuất khẩu đối với các loại cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu, trừ cát chứa kim loại thuộc Chương 26 (mã hàng 25.05) sẽ được điều chỉnh mức thuế suất từ 0% lên 10% và 30% (tùy loại).

Đối với đá hoa (marble), đá travertine, ecaussine và đá vôi khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng có trọng lượng riêng biểu kiến từ 2,5 trở lên và thạch cao tuyết hoa, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt, bằng cưa hay bằng cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) (mã hàng 25.15); đá granit, đá pocfia, bazan, đá cát kết (sa thạch) và đá khác để làm tượng đài hay đá xây dựng, đã hoặc chưa đẽo thô hay mới chỉ cắt bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) (mã hàng 25.16) hiện có mức thuế là 0%, 2%, 3% sẽ được điều chỉnh tăng lên thành 17% - 30% theo lộ trình đến năm 2024.

Đồ trang sức và các bộ phận của đồ trang sức, bằng kim loại quý hoặc kim loại được dát phủ kim loại quý (mã hàng 71.13) có thuế suất 25%; 30% sẽ được điều chỉnh giảm xuống còn 0% và 1%.

Thuế suất đối với đồ kỹ nghệ vàng hoặc bạc và các bộ phận của đồ kỹ nghệ vàng bạc, bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý (mã hàng 71.14); các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý (mã hàng 71.15) cũng sẽ được điều chỉnh giảm từ 30% xuống còn 0% và 1%.

Chì chưa gia công (mã hàng 78.01) sẽ có mức thuế suất thuế xuất khẩu mới là 15% thay vì 0% như quy định tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP.

Nghị định số 101/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 30/12/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

KẾT NỐI, CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ VỚI CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

Ngày 15/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1911/QĐ-TTg về việc thực hiện kết nối, chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thực hiện theo nguyên tắc chung: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu khác) khi có một trong các thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì phải bảo đảm điều kiện theo quy định và phải thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Việc kết nối, chia sẻ thông tin công dân giữa các cơ sở dữ liệu phải được bảo đảm bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật; Việc sử dụng thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Quyết định cũng quy định việc chia sẻ thông tin công dân giữa các cơ sở dữ liệu: (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chia sẻ thông tin về công dân cho cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; (2) Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu về y tế và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cung cấp thông tin về công dân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật để bảo đảm thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin; (3) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chia sẻ dữ liệu thông tin công dân thuộc lĩnh vực quản lý để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ngoài ra, việc kết nối, chia sẻ thông tin về công dân ngoài quy định này thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu khác.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: KIỂM SOÁT CAM KẾT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 11/10/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 89/2021/TT-BTC Quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Thông tư này quy định việc quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước áp dụng đối với các khoản chi chi ngân sách Nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách Nhà nước, kế hoạch vốn hằng năm, bao gồm:

Tất cả các khoản chi thường xuyên sử dụng kinh phí chi ngân sách Nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách Nhà nước hằng năm có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, xây lắp với giá trị từ 200 triệu đồng trở lên được thực hiện và thanh toán từ 2 năm ngân sách trở lên.

Tất cả các khoản chi đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao kế hoạch vốn hằng năm có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, xây lắp với giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên.

Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị cam kết chi chi ngân sách Nhà nước, điều chỉnh cam kết chi chi ngân sách Nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch được quy định đối với các trường hợp như sau:

Đối với hợp đồng ký kết giữa đơn vị sử dụng ngân sách với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, nhà thầu xây lắp: Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Đối với hợp đồng thực hiện và thanh toán từ 2 năm ngân sách trở lên, kể từ năm thứ 2 trở đi: Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị sử dụng ngân sách nhận được văn bản giao dự toán chi ngân sách Nhà nước, kế hoạch vốn của cơ quan có thẩm quyền (thời hạn này được tính trên dấu công văn đến của đơn vị sử dụng ngân sách).

Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Nhà nước, kế hoạch vốn trong tháng 12 năm trước: Thời hạn gửi đề nghị cam kết chi tối đa 20 ngày làm việc, được tính từ ngày 01/01 năm sau.

Trường hợp đơn vị điều chỉnh giá trị hợp đồng đã ký dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh cam kết chi: Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng điều chỉnh.

Kho bạc Nhà nước chấp thuận cam kết chi trong 1 ngày làm việc nếu hồ sơ hợp lệ

Về thời hạn chấp thuận cam kết chi của Kho bạc Nhà nước, Thông tư nêu rõ, trong phạm vi 1 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cam kết chi chi ngân sách Nhà nước hoặc điều chỉnh cam kết chi chi ngân sách Nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách, hồ sơ đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp và dự toán, kế hoạch vốn năm của đơn vị đã được nhập, phê duyệt trên hệ thống TABMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngân sách - kho bạc), Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra các điều kiện để thực hiện cam kết chi cho đơn vị trên hệ thống TABMIS, đồng thời gửi trả 1 liên chứng từ đề nghị cam kết chi chi ngân sách Nhà nước hoặc điều chỉnh cam

kết chi chi ngân sách Nhà nước đã được ký duyệt và chấp thuận trên hệ thống TABMIS, trong đó ghi số cam kết chi để thông báo cho đơn vị.

Trường hợp không đảm bảo điều kiện cam kết chi quy định, Kho bạc Nhà nước không chấp nhận cam kết chi, trong thời hạn 1 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước thông báo ý kiến từ chối cam kết chi chi ngân sách Nhà nước hoặc điều chỉnh cam kết chi chi ngân sách Nhà nước cho đơn vị được biết.

Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách gửi hồ sơ đề nghị cam kết chi không đúng thời gian quy định, Kho bạc Nhà nước thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; Kho bạc Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 24/11/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Ngày 16/11/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT về hướng dẫn chi tiết việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đối tác công tư (PPP) và dự án đầu tư có sử dụng đất.

Việc ban hành Thông tư nhằm mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tính khả thi, đồng bộ của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện dự án đầu tư đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất.

Thông tư được xây dựng bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư năm 2020, Nghị định quy định chi tiết thi hành các luật này và pháp luật có liên quan; bảo đảm thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả kinh tế trong việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lựa chọn nhà đầu tư thông qua việc mẫu hóa tối đa các loại hồ sơ.

Thông tư hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Nghị định số 25/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư về lựa chọn nhà đầu tư, gồm: Quy định về việc lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu dự án đầu tư đối tác công tư; quy định liên quan đến lập yêu cầu sơ bộ về

năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với dự án đầu tư có sử dụng đất; các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Thông tư quy định chi tiết việc lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu dự án đầu tư đối tác công tư, gồm: Hồ sơ mời sơ tuyển; hồ sơ mời đàm phán; hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng sơ tuyển; hồ sơ mời thầu đối với dự án không áp dụng sơ tuyển và dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; hồ sơ mời thầu đối với dự án áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh theo quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Các mẫu hồ sơ trên được lập theo mẫu quy định tại các Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Thông tư.

Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa nội dung mẫu hồ sơ quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ mời thầu không được quy định nội dung so sánh, xếp hạng nhà đầu tư.

Thông tư cũng quy định chi tiết việc lập yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dự án đầu tư có sử dụng đất; nguyên tắc áp dụng, chỉnh sửa các mẫu hồ sơ; quy định về việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ Quyết định:

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Minh Luân, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Hồng Quân, để nhận nhiệm vụ mới.

Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025:

Ngày 18/11/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 1945/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh là Trưởng ban.

Ban Chỉ đạo Trung ương có 5 Phó Trưởng ban gồm: Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ông Hà A Lành, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; ông Đào Ngọc Dung, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương là lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y tế; Văn phòng Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đồng thời, mời lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam làm Ủy viên.

Theo Quyết định, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Tổ trưởng Tổ công tác là Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Tổ trưởng Tổ công tác là Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Tổ trưởng Tổ công tác là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

Bà Nguyễn Thị Bích Lan, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Công tác Đảng, đoàn thể, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Bà Vũ Thị Thanh Xuân, Phó Chánh Văn phòng Học viện phụ trách cơ quan đại diện phía Nam thuộc Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng đại diện phía Nam

*** Bộ Công an:**

Đại tá Tráng A Tủa, Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, Bộ Công an, kể từ ngày 01/12/2021.

Đại tá Ngô Thanh Bình, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên, kể từ ngày 01/12/2021.

Thiếu tướng Đặng Xuân Hồng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Đối ngoại, Bộ Công an.

*** Bộ Y tế:**

GS. TS. BS. Nguyễn Hữu Tú, Phó Hiệu trưởng Đại học Y Hà Nội được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Đại học Y Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nguồn: baohinhphu.vn